

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2018/DS-ST**

Ngày: 04-9-2018.

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Duy Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**

2. Bà **Trần Thị Đúng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Hoàng** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 761/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Quỹ tín dụng A.**

Địa chỉ: 2276 Đường A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Phạm Quốc V**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Địa chỉ: 2276 Đường A, ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 12/06/2018)

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Đại T, sinh năm 1983;

2.2. Bà Bùi Thúy K, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: 2A16 ấp E, xã F, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông V có mặt tại phiên tòa, ông T và bà K vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/11/2017 của nguyên đơn Quỹ tín dụng A và bản tự khai ngày 15/6/2018 của ông Phạm Quốc V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 04/11/2016 Quỹ tín dụng A (sau đây viết tắt là Quỹ tín dụng) và ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K đã ký hợp đồng tín dụng số 1801 với nội dung Quỹ tín dụng cho ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất 18%/năm tính trên dư nợ ban đầu, lãi suất cố định trong suốt thời gian vay, thời hạn vay 12 tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Phương thức trả nợ là trả góp vào ngày 01 hàng tháng với số tiền 2.950.000 đồng gồm 2.500.000 đồng tiền vốn gốc và 450.000 đồng tiền lãi.

Ngày 04/11/2016 Quỹ tín dụng đã giải ngân cho ông T và bà K số tiền 30.000.000 đồng theo phương thức nhận tiền mặt 01 lần. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 04/12/2016 ông T và bà K đã trả nợ được cho Quỹ tín dụng 3 kỳ với tổng số tiền là 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) gồm: vốn gốc 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi phát sinh 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Kể từ ngày 16/02/2017 đến nay, ông T và bà K không tiếp tục thực hiện trả nợ cho Quỹ tín dụng. Quỹ tín dụng đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông T, bà K thực hiện thanh toán tiền nợ nhưng ông T bà K không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Do đó, Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đại T và bà Bùi Thúy K có trách nhiệm cùng trả cho Quỹ tín dụng A toàn bộ số tiền nợ còn nợ là 28.575.000 đồng gồm vốn gốc là 22.500.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 04/11/2017 là 6.075.000 đồng, gồm 4.050.000 đồng tiền lãi trong hạn và 2.025.000 đồng tiền lãi quá hạn, yêu cầu ông T và bà K trả toàn bộ số tiền trên theo phương thức trả 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Không yêu cầu lãi phát sinh tính từ ngày 05/11/2017 cho đến khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Kể ngày Quỹ tín dụng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà K không thanh toán tiền thì phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất chậm trả theo hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa ông V đại diện cho Quỹ tín dụng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Đại T và bà Bùi Thúy K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh*** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K phải trả cho Quỹ tín dụng A số tiền vốn gốc 22.500.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 04/11/2017 là 6.075.000 đồng; ông T và bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quỹ tín dụng A khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K. Ông T, bà K có nơi cư trú tại địa chỉ 2A16 ấp E, xã F, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai, không đến Tòa án tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T, bà K là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Quỹ tín dụng nhưng ông T, bà K không đến Tòa án trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa xét xử theo quy định mà vắng mặt không có lý do. Ông T, bà K đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng

cứ do đại diện nguyên đơn cung cấp và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng tại phiên tòa thì có cơ sở xác định ngày 04/11/2016 ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K có vay tiền của Quỹ tín dụng A số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), lãi suất 18%/năm tính trên dư nợ ban đầu, lãi suất cố định trong suốt thời gian vay, thời hạn vay 12 tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, vay tín chấp. Phương thức trả nợ là trả góp vào ngày 01 hàng tháng với số tiền 2.950.000 đồng trong đó: vốn gốc 2.500.000 đồng và lãi trong hạn 450.000 đồng

[7] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng xác nhận, tính đến ngày 01/02/2017 ông T bà K đã thanh toán cho Quỹ tín dụng được 03 kỳ với tổng số tiền là 8.850.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) gồm vốn gốc là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) và lãi trong hạn 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K còn nợ lại số tiền là vốn gốc là 22.500.000 đồng, lãi trong hạn 4.050.000 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 07/11/2017 là 2.025.000 đồng .

[8] Theo quy định Điều 6, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1801 ngày 04/11/2016 thì ngày trả nợ là vào ngày 01 (một) dương lịch hàng tháng và ngày đến hạn trả nợ là 04/11/2017. Tuy nhiên, từ ngày 01/3/2017, ông T bà K không thực hiện nghĩa trả nợ theo đúng thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền vay đối với Quỹ tín dụng. Do ông T, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vốn vay và tiền lãi nên Quỹ tín dụng yêu cầu trả tiền vốn gốc và lãi còn lại của hợp đồng tín dụng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng số tiền 28.575.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó vốn gốc là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), lãi tính đến ngày 04/11/2017 là 6.075.000 đồng (sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó lãi trong hạn là 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) và lãi quá hạn là 2.025.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Nếu ông T, bà K chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì bà K, ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1801 ngày 04/11/2016.

[11] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K phải chịu 1.428.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng A.
2. Buộc ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng A số tiền 28.575.000 đồng (hai mươi tám triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó vốn gốc là 22.500.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), lãi tính đến ngày 07/11/2017 là 6.075.000 đồng (sáu triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) trong đó lãi trong hạn là 4.050.000 đồng (bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) và lãi quá hạn là 2.025.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo phương thức trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.
3. Kể từ ngày Quỹ tín dụng A có đơn yêu cầu thi hành án, bà K, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì bà K, ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1801 ngày 04/11/2016 giữa Quỹ tín dụng A và ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K.
4. Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.
5. Về án phí:

5.1. Ông Nguyễn Đại T, bà Bùi Thúy K chịu 1.428.750 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng A số tiền 770.625 đồng (bảy trăm bảy mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0031075 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Các đương sự; (3)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)**

Đỗ Thị Duy Linh